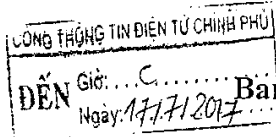


**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 23 /2017/QĐ-UBND

Kiên Giang, ngày 30 tháng 6 năm 2017



VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ

CÔNG VĂN ĐẾN

Giờ: ...C... Ngày: 17/7/2017

Kính chuyển: ...TĐT... (CB)...

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về việc cưỡng chế thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai, quyết định công nhận hòa giải thành trên địa bàn tỉnh Kiên Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012;
Căn cứ Luật Đất đai năm 2013;
Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;
Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;
Căn cứ Nghị định số 166/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính;
Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 309/TTr-STNMT ngày 14 tháng 6 năm 2017.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về việc cưỡng chế thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai, quyết định công nhận hòa giải thành trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Giao Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức triển khai và kiểm tra việc thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Điều khoản thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc (Thủ trưởng) các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực từ ngày 10 tháng 7 năm 2017 và thay thế Quyết định số 14/2013/QĐ-UBND ngày 16 tháng 5 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy định thi hành quyết định giải quyết khiếu nại và quyết định giải quyết tranh chấp đất đai có hiệu lực pháp luật trên địa bàn tỉnh Kiên Giang./. *u2*

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Website Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Bộ Tư pháp;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- LĐVP, P. NCPC;
- Website tỉnh;
- Đăng công báo;
- Lưu: VT, STNMT, vtttrinh, (201b).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Phạm Vũ Hồng

QUY ĐỊNH

Về việc cưỡng chế thi hành
quyết định giải quyết tranh chấp đất đai,
quyết định công nhận hòa giải thành trên địa bàn tỉnh Kiên Giang
(Ban hành kèm theo Quyết định số 23 /2017/QĐ-UBND
ngày 30 tháng 6 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về nguyên tắc, điều kiện, trình tự, thủ tục thực hiện cưỡng chế thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai, quyết định công nhận hòa giải thành có hiệu lực pháp luật (sau đây gọi chung là quyết định giải quyết tranh chấp đất đai có hiệu lực pháp luật); trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thi hành quyết định cưỡng chế thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân phải chấp hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai có hiệu lực pháp luật nhưng không tự nguyện chấp hành và các cơ quan tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc cưỡng chế thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong quy định này, một số thuật ngữ được hiểu như sau:

1. *Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai* là quyết định hành chính do người có thẩm quyền trong cơ quan hành chính nhà nước ban hành theo trình tự, thủ tục do pháp luật quy định để giải quyết các tranh chấp đất đai.

2. *Quyết định công nhận hòa giải thành* là quyết định hành chính do người có thẩm quyền trong cơ quan hành chính nhà nước ban hành theo trình tự, thủ tục do pháp luật quy định để công nhận kết quả thỏa thuận khi các bên tranh chấp đạt được thỏa thuận, tự nguyện giải quyết với nhau các tranh chấp đất đai.

3. *Người bị cưỡng chế* là tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và người có liên quan phải chấp hành quyết định cưỡng chế.

Điều 4. Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai, quyết định công nhận hòa giải thành có hiệu lực pháp luật

Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai, quyết định công nhận hòa giải thành đã có hiệu lực pháp luật trong các trường hợp sau:

1. Trong thời hạn không quá ba mươi (30) ngày kể từ ngày nhận được quyết định giải quyết tranh chấp đất đai lần đầu hoặc không quá bốn mươi lăm (45) ngày đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn mà các bên hoặc một trong các bên tranh chấp không có đơn gửi người có thẩm quyền giải quyết tranh chấp đất đai lần hai thì quyết định giải quyết tranh chấp lần đầu có hiệu lực thi hành.

2. Trong thời hạn không quá ba mươi (30) ngày kể từ ngày nhận được quyết định giải quyết tranh chấp đất đai lần hai; đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn không quá bốn mươi lăm (45) ngày thì quyết định giải quyết tranh chấp đất đai lần hai có hiệu lực thi hành.

3. Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai bị khởi kiện ra Tòa án có hiệu lực kể từ ngày Tòa án trả lại đơn khởi kiện hoặc quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hoặc giải quyết công nhận, giữ nguyên nội dung quyết định giải quyết tranh chấp đất đai bằng quyết định, bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

4. Trong thời hạn không quá ba mươi (30) ngày kể từ ngày nhận được quyết định công nhận hòa giải thành hoặc không quá bốn mươi lăm (45) ngày đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn mà các bên tranh chấp không gửi đơn yêu cầu hoặc thay đổi nội dung đã hòa giải thành đến người có thẩm quyền giải quyết tiếp theo thì quyết định công nhận hòa giải thành có hiệu lực pháp luật.

Điều 5. Nguyên tắc cưỡng chế

1. Quá trình cưỡng chế phải tiến hành công khai, dân chủ, khách quan, bảo đảm trật tự, an toàn, đúng quy định của pháp luật.

2. Thời điểm bắt đầu tiến hành cưỡng chế được thực hiện trong giờ hành chính. Không tổ chức thực hiện cưỡng chế trong thời gian từ 22 giờ đến 06 giờ sáng hôm sau; các ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật; trong thời gian mười lăm (15) ngày trước và sau tết Nguyên đán; các ngày truyền thống đối với các đối tượng chính sách nếu họ là người bị cưỡng chế và các trường hợp đặc biệt khác làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội, phong tục, tập quán tại địa phương.

3. Tôn trọng sự thỏa thuận của các bên tranh chấp đất đai trong bất cứ giai đoạn nào của quá trình cưỡng chế nếu thỏa thuận đó không trái với quy định của

pháp luật và đạo đức xã hội; không xâm phạm lợi ích của Nhà nước, lợi ích công cộng, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

4. Việc tạm ngừng thực hiện quyết định cưỡng chế khi có quyết định của người có thẩm quyền.

Điều 6. Thẩm quyền ban hành quyết định cưỡng chế

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có đất tranh chấp ban hành quyết định cưỡng chế và tổ chức thực hiện quyết định cưỡng chế thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai có hiệu lực pháp luật.

Điều 7. Thời hạn cưỡng chế

Thời hạn cưỡng chế không quá ba mươi (30) ngày, kể từ ngày triển khai quyết định cưỡng chế. Đối với các xã vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn thì thời gian thực hiện cưỡng chế không quá bốn mươi lăm (45) ngày.

Chương II

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC TỔ CHỨC CƯỖNG CHẾ THI HÀNH QUYẾT ĐỊNH GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP ĐẤT ĐAI CÓ HIỆU LỰC PHÁP LUẬT

Điều 8. Công bố quyết định giải quyết tranh chấp đất đai, quyết định công nhận hòa giải thành

Trong thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày nhận được quyết định giải quyết tranh chấp đất đai, quyết định công nhận hòa giải thành cơ quan, tổ chức, cá nhân được giao tổ chức thực hiện quyết định giải quyết tranh chấp đất đai phải gửi quyết định cho các bên tranh chấp đất đai, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, đồng thời tổ chức niêm yết công khai tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã, khu phố, ấp nơi có đất tranh chấp.

Điều 9. Tổ chức triển khai thực hiện quyết định giải quyết tranh chấp đất đai có hiệu lực pháp luật

1. Trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện quyết định giải quyết tranh chấp đất đai có hiệu lực pháp luật:

a) Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện và các ngành chức năng có liên quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai quyết định giải quyết tranh chấp đất đai của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã có hiệu lực pháp luật, kể cả trường hợp quyết định bị khiếu nại và đã được Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường công nhận

hoặc đã được Tòa án giải quyết công nhận; quyết định giải quyết tranh chấp đất đai của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường có hiệu lực pháp luật;

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện chủ trì, phối hợp với các ngành chức năng tổ chức triển khai các quyết định giải quyết tranh chấp đất đai của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện đã có hiệu lực pháp luật, kể cả trường hợp quyết định bị khiếu nại đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết công nhận và đã hết thời hạn khởi kiện theo quy định của Luật Tố tụng hành chính hoặc đã được Tòa án giải quyết công nhận.

2. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày quyết định giải quyết tranh chấp đất đai có hiệu lực pháp luật, cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm quy định tại Khoản 1 Điều này phải xây dựng kế hoạch tổ chức triển khai quyết định (Mẫu số 01 kèm theo Quyết định này) và tổ chức triển khai thực hiện quyết định đến các bên tranh chấp, các cơ quan, tổ chức, cá nhân và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến việc thi hành quyết định.

3. Thành phần tham dự triển khai quyết định bao gồm: Các bên tranh chấp đất đai (hoặc người đại diện hợp pháp); cơ quan, tổ chức, cá nhân và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến việc thi hành quyết định.

Trong thời gian ba (03) ngày làm việc trước khi triển khai thực hiện quyết định cơ quan được giao nhiệm vụ triển khai có văn bản thông báo (hoặc thư mời) gửi đến các bên tranh chấp, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan về thời gian, địa điểm triển khai. Trường hợp đã thông báo (hoặc gửi thư mời) hợp lệ đến lần thứ hai mà các bên tranh chấp, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không đến dự, cố tình trì hoãn, trốn tránh thì cơ quan, người được giao nhiệm vụ chủ trì vẫn tiến hành triển khai quyết định giải quyết tranh chấp đất đai có hiệu lực pháp luật, đồng thời mời đại diện chính quyền địa phương, đại diện các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội, quần chúng nhân dân chứng kiến và ký tên xác nhận vào biên bản tổ chức triển khai quyết định.

4. Việc triển khai quyết định được tiến hành tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc trụ sở khu phố (ấp) nơi có đất tranh chấp.

5. Việc triển khai phải lập thành biên bản, ghi nhận đầy đủ nội dung kết luận, giải quyết tranh chấp đất đai; ý kiến thống nhất hoặc không thống nhất của các bên tranh chấp đất đai, của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (nếu có), kèm theo sơ đồ vị trí, diện tích, ranh giới sử dụng đất trên thực địa theo quyết định giải quyết tranh chấp đất đai có hiệu lực pháp luật; yêu cầu các bên tranh chấp đất đai tự chấp hành quyết định trong thời hạn quy định (Mẫu 02 đính kèm theo Quyết định này).

6. Thời gian tự nguyện thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai có hiệu lực pháp luật là không quá mười lăm (15) ngày, kể từ ngày triển khai quyết định và được ghi trong biên bản tổ chức triển khai quyết định.

7. Trong thời hạn mười (10) ngày, kể từ ngày hết thời hạn tự nguyện chấp hành, nếu các bên tranh chấp hoặc một bên tranh chấp không tự giác chấp hành thì Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã nơi có đất tranh chấp tổ chức vận động, thuyết phục. Trường hợp qua vận động, thuyết phục mà các bên vẫn không tự giác chấp hành thì Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất tranh chấp lập báo cáo gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện để ra quyết định cưỡng chế thi hành.

Điều 10. Điều kiện thực hiện cưỡng chế thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai có hiệu lực pháp luật

1. Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai có hiệu lực pháp luật đã được cơ quan có thẩm quyền triển khai theo trình tự quy định tại Điều 9 Quy định này mà các bên hoặc một trong các bên tranh chấp không chấp hành quyết định và đã được Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã nơi có đất tranh chấp đã vận động, thuyết phục mà không chấp hành.

2. Quyết định cưỡng chế thực hiện quyết định giải quyết tranh chấp đất đai có hiệu lực pháp luật đã được niêm yết công khai tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã, địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư nơi có đất tranh chấp.

3. Quyết định cưỡng chế thực hiện quyết định giải quyết tranh chấp đất đai đã có hiệu lực thi hành.

4. Người bị cưỡng chế đã nhận được quyết định cưỡng chế. Trường hợp người bị cưỡng chế từ chối không nhận quyết định cưỡng chế hoặc vắng mặt khi giao quyết định cưỡng chế thì Ủy ban nhân dân cấp xã lập biên bản và có hai (02) người chứng kiến ký tên vào biên bản.

Điều 11. Ban hành quyết định cưỡng chế, quyết định thành lập Ban thực hiện cưỡng chế thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai có hiệu lực pháp luật

1. Trong thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày nhận được báo cáo quy định tại Khoản 7, Điều 9 Quy định này, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành quyết định cưỡng chế.

2. Quyết định cưỡng chế thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai phải có các nội dung cơ bản sau (Mẫu 03 kèm theo Quyết định này):

- a) Căn cứ ban hành quyết định cưỡng chế;
- b) Họ, tên, địa chỉ của người bị cưỡng chế;
- c) Nội dung cưỡng chế;

- d) Lý do và biện pháp cưỡng chế;
- đ) Thời gian, địa điểm thực hiện cưỡng chế;
- e) Cơ quan chủ trì cưỡng chế; cơ quan tham gia phối hợp;
- g) Kinh phí để thực hiện việc cưỡng chế.

3. Quyết định thành lập Ban thực hiện cưỡng chế gồm các nội dung cơ bản như sau (Mẫu 04 kèm theo Quyết định này):

- a) Thành phần Ban thực hiện cưỡng chế:

Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện là Trưởng ban;

Thành viên đại diện cho các cơ quan cấp huyện gồm: Thanh tra, Tư pháp, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng; đại diện lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất; mời đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã nơi có đất và các thành viên khác do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định.

Trường hợp cưỡng chế thực hiện quyết định giải quyết tranh chấp đất đai lần đầu của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và quyết định giải quyết tranh chấp đất đai của Bộ Tài nguyên và Môi trường thì thành phần Ban thực hiện cưỡng chế phải có sự tham gia của đại diện Sở Tài nguyên và Môi trường.

- b) Nhiệm vụ của Ban thực hiện cưỡng chế, cơ quan, tổ chức có trách nhiệm tham gia, phối hợp.

4. Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện có trách nhiệm tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện trong việc ban hành quyết định cưỡng chế, quyết định thành lập Ban thực hiện cưỡng chế thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai có hiệu lực pháp luật.

Điều 12. Gửi, công khai quyết định cưỡng chế thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai có hiệu lực pháp luật

1. Trong thời hạn năm (05) ngày, kể từ ngày nhận được quyết định cưỡng chế, Ban thực hiện cưỡng chế gửi quyết định cưỡng chế cho người bị cưỡng chế, tổ chức, cá nhân có liên quan và niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã, khu phố, ấp nơi có đất tranh chấp. Quyết định cưỡng chế được triển khai, giao trực tiếp hoặc gửi bưu điện bằng hình thức bảo đảm trong trường hợp đối tượng bị cưỡng chế cư trú ngoài địa bàn tỉnh Kiên Giang.

- a) Đối với trường hợp quyết định cưỡng chế thi hành quyết định giao trực tiếp mà người bị cưỡng chế không nhận hoặc không đến làm việc theo thư mời thì Ban thực hiện cưỡng chế lập biên bản về việc không nhận quyết định, vắng mặt và lập biên bản niêm yết quyết định cưỡng chế thi hành quyết định tại Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thực hiện cưỡng chế, có xác nhận của chính quyền địa

phương hoặc hai (02) người chứng kiến ký tên thì được coi là quyết định đã được giao;

Đối với trường hợp người bị cưỡng chế vắng mặt thì quyết định cưỡng chế được giao cho cha, mẹ, vợ, chồng, con của người bị cưỡng chế. Khi những người này từ chối nhận quyết định cưỡng chế hoặc không đáp ứng đủ điều kiện nhận quyết định cưỡng chế (không cư trú cùng ấp, cùng khu phố) thì mới lập biên bản vắng mặt, không nhận quyết định; lập biên bản niêm yết tại Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thực hiện cưỡng chế, có xác nhận của chính quyền địa phương hoặc 02 người chứng kiến ký tên.

b) Đối với trường hợp gửi bưu điện bằng hình thức bảo đảm, nếu sau thời hạn mười (10) ngày làm việc, kể từ ngày quyết định cưỡng chế được gửi bằng đường bưu điện đến lần thứ ba mà bị trả lại do cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế cố tình không nhận hoặc có căn cứ cho rằng người bị cưỡng chế trốn tránh không nhận quyết định cưỡng chế và quyết định đã được niêm yết tại nơi cư trú của cá nhân, trụ sở của tổ chức bị cưỡng chế thì được coi là quyết định đã được triển khai, giao đến người bị cưỡng chế thi hành quyết định.

2. Gửi cho các bên có liên quan trong tranh chấp đất đai, Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã nơi thực hiện việc cưỡng chế và các tổ chức, cá nhân liên quan.

Điều 13. Lập, phê duyệt kế hoạch cưỡng chế

1. Ban thực hiện cưỡng chế có trách nhiệm thu thập thông tin, khảo sát hiện trạng nơi tiến hành cưỡng chế, xây dựng kế hoạch cưỡng chế trình người ra quyết định cưỡng chế phê duyệt trong thời hạn năm (05) ngày, kể từ ngày nhận được quyết định cưỡng chế (Mẫu 05 kèm theo Quyết định này).

Kế hoạch cưỡng chế gồm các nội dung chính sau:

- Mục đích, yêu cầu của việc cưỡng chế;
- Thời gian, địa điểm, tiến độ thực hiện cưỡng chế;
- Nội dung cưỡng chế;
- Thành phần tham gia, hỗ trợ cưỡng chế;
- Phân công nhiệm vụ cho từng thành viên tham gia;
- Phương tiện, công cụ phục vụ, hỗ trợ cưỡng chế;
- Dự kiến tình huống có thể phát sinh, phương án ứng phó;
- Phương án bố trí chỗ ở cho người bị di chuyển chỗ ở nhưng không có chỗ ở nào khác (nếu có);
- Kinh phí cưỡng chế và những nội dung khác có liên quan;

- Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan (nếu có).

2. Sau khi kế hoạch cưỡng chế được phê duyệt, Ban thực hiện cưỡng chế họp, phổ biến kế hoạch cưỡng chế và phân công nhiệm vụ cụ thể đến các thành viên Ban thực hiện cưỡng chế và các thành phần có liên quan khác (nếu có).

Điều 14. Vận động, thuyết phục người bị cưỡng chế thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai có hiệu lực pháp luật

1. Trong thời hạn thi hành quyết định cưỡng chế thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai có hiệu lực pháp luật, Ban thực hiện cưỡng chế phối hợp với chính quyền địa phương, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, cơ quan đoàn thể động viên, giáo dục, thuyết phục người bị cưỡng chế; người có quyền và nghĩa vụ liên quan chấp hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai có hiệu lực pháp luật; tùy một số trường hợp cụ thể có thể mời đại diện tổ chức chính trị - xã hội cùng tham gia.

2. Nếu người bị cưỡng chế tự nguyện chấp hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai có hiệu lực pháp luật thì Ban thực hiện cưỡng chế lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện và phải được thành phần tham dự, người bị cưỡng chế, các bên tranh chấp ký, ghi họ tên hoặc điểm chỉ. Trong thời hạn năm (05) ngày, người bị cưỡng chế phải bàn giao ranh giới, mốc giới hoặc bàn giao diện tích đất theo quyết định giải quyết tranh chấp đất đai, quyết định công nhận hòa giải thành; Ban thực hiện cưỡng chế có trách nhiệm lập biên bản tiếp nhận, kèm theo sơ đồ, vị trí, diện tích đất.

3. Nếu người bị cưỡng chế thi hành quyết định không tự nguyện chấp hành quyết định thì Ban thực hiện cưỡng chế lập biên bản ghi nhận sự việc và tiến hành thực hiện cưỡng chế theo quy định tại Điều 15, Điều 16 Quy định này.

Điều 15. Thông báo thực hiện quyết định cưỡng chế thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai có hiệu lực pháp luật

1. Trong thời hạn năm (05) ngày kể từ ngày lập biên bản động viên thuyết phục, người bị cưỡng chế không tự nguyện chấp hành quyết định hoặc quá thời hạn tự nguyện chấp hành quyết định, Ban thực hiện cưỡng chế gửi thông báo thực hiện quyết định cưỡng chế đến người bị cưỡng chế, người có quyền và nghĩa vụ liên quan.

2. Ban thực hiện cưỡng chế phải gửi và triển khai thông báo thực hiện quyết định cưỡng chế đến các bên tranh chấp đất đai và các bên có liên quan trước năm (05) ngày kể từ ngày tiến hành cưỡng chế. Thông báo thực hiện quyết định cưỡng chế phải có nội dung cơ bản như: Đối tượng bị cưỡng chế, thời gian, địa điểm cưỡng chế; nội dung cưỡng chế.

3. Đối với trường hợp thông báo thực hiện quyết định cưỡng chế được triển khai giao trực tiếp mà người bị cưỡng chế không nhận hoặc không đến làm

việc theo thư mời thì Ban thực hiện cưỡng chế lập biên bản về việc không nhận thông báo và lập biên bản niêm yết thông báo thực hiện quyết định cưỡng chế tại Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thực hiện cưỡng chế, có xác nhận của chính quyền địa phương hoặc hai (02) người chứng kiến ký, ghi họ tên thì được coi là thông báo đã được giao, thời gian niêm yết là năm (05) ngày làm việc.

Điều 16. Tiến hành cưỡng chế

1. Trên cơ sở quyết định cưỡng chế, kế hoạch cưỡng chế thi hành quyết định đã được phê duyệt, Ban thực hiện cưỡng chế tiến hành cưỡng chế thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai có hiệu lực pháp luật.

a) Trường hợp người bị cưỡng chế, người có nghĩa vụ liên quan cố tình vắng mặt thì vẫn tiến hành cưỡng chế nhưng phải có đại diện của chính quyền địa phương, thành phần tham dự và hai (02) người trở lên chứng kiến.

b) Trước khi thực hiện cưỡng chế thi hành quyết định, nếu người bị cưỡng chế tự nguyện chấp hành quyết định, tự thỏa thuận về giá trị tài sản và việc giao nhận, di dời tài sản thì Ban thực hiện cưỡng chế lập biên bản theo quy định tại Khoản 2, Điều 14 Quy định này.

c) Việc thực hiện cưỡng chế thi hành quyết định phải được lập thành biên bản và giao cho người bị cưỡng chế một bản. Biên bản ghi rõ: Thời gian, địa điểm, cơ quan chủ trì thực hiện quyết định cưỡng chế; cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế; đại diện chính quyền địa phương và người chứng kiến; địa điểm cưỡng chế, hiện trạng đất, kết quả thực hiện cưỡng chế, kèm theo sơ đồ vị trí, diện tích đất và phải được thành phần tham dự cưỡng chế ký tên, điểm chỉ; trường hợp vắng mặt hoặc từ chối ký biên bản thì phải ghi lý do vào biên bản (Mẫu 06 kèm theo Quyết định này).

2. Đối với trường hợp phải tháo dỡ, di dời tài sản ra khỏi nơi cưỡng chế: Ban thực hiện cưỡng chế buộc người bị cưỡng chế, người có liên quan phải tháo dỡ, di dời tài sản ra khỏi nơi cưỡng chế. Nếu họ không tự nguyện thực hiện, Ban thực hiện cưỡng chế thi hành quyết định yêu cầu lực lượng cưỡng chế đưa họ cùng tài sản ra khỏi nơi cưỡng chế.

3. Trường hợp người bị cưỡng chế thi hành quyết định, người có quyền lợi liên quan từ chối nhận tài sản, thì Ban thực hiện cưỡng chế xử lý như sau:

a) Việc thực hiện kiểm kê, xử lý tài sản được vận dụng các quy định từ Điều 22 đến Điều 27 của Nghị định số 166/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

b) Đối với tài sản không bảo quản được, dễ hư hỏng thì Ban thực hiện cưỡng chế thông báo cho chủ sở hữu tài sản nhận lại tài sản ngay sau khi tiến hành cưỡng chế, nếu từ chối nhận tài sản thì chủ tài sản chịu trách nhiệm về mất

mát, hư hao, chênh lệch giá trị về tài sản. Ban thực hiện cưỡng chế chủ trì, phối hợp với cơ quan tài chính, cơ quan chuyên môn có liên quan để thực hiện theo quy định của cơ quan tài chính hoặc thống nhất biện pháp xử lý. Số tiền thu được, sau khi trừ các chi phí cho việc vận chuyển, bảo quản, xử lý tài sản sẽ được gửi tiết kiệm loại không kỳ hạn tại tổ chức tín dụng.

c) Trong thời hạn mười (10) ngày, kể từ ngày cưỡng chế, Ban thực hiện cưỡng chế phải niêm yết thông báo tại Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thực hiện cưỡng chế về thời gian, địa điểm để chủ sở hữu, người sử dụng hợp pháp nhận tiền, tài sản; việc niêm yết phải được lập thành biên bản.

4. Ban thực hiện cưỡng chế đề nghị cơ quan chức năng có thẩm quyền đo đạc và lập biên bản bàn giao đất cho người sử dụng hợp pháp, biên bản bàn giao đất phải có chữ ký của đại diện Ban thực hiện cưỡng chế, đối tượng nhận bàn giao đất và xác nhận của chính quyền địa phương.

5. Trong thời gian bảy (07) ngày, kể từ ngày kết thúc cưỡng chế, Ban thực hiện cưỡng chế hợp đánh giá kết quả thực hiện cưỡng chế và báo cáo kết quả cưỡng chế đến người ra quyết định cưỡng chế. Báo cáo cưỡng chế gồm có các nội dung: Quá trình thực hiện cưỡng chế, kết quả cưỡng chế; nêu thuận lợi, khó khăn; bài học kinh nghiệm và kiến nghị (nếu có).

Điều 17. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện quyết định cưỡng chế thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai có hiệu lực pháp luật

1. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm phối hợp, hỗ trợ, hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện việc cưỡng chế thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai có hiệu lực pháp luật. Đối với các vụ việc cưỡng chế quyết định giải quyết tranh chấp đất đai lần đầu của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (do Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu) và của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm cung cấp đầy đủ hồ sơ liên quan đến việc giải quyết tranh chấp, phối hợp Ủy ban nhân dân cấp huyện xác minh điều kiện cưỡng chế và cử cán bộ, công chức, viên chức tham gia vào thành phần Ban thực hiện cưỡng chế của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

2. Sở Tài chính, cơ quan tài chính cấp huyện có trách nhiệm tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện về các khoản chi, mức chi cụ thể cho các hoạt động liên quan đến việc cưỡng chế; bố trí đầy đủ, kịp thời các khoản kinh phí phục vụ công tác tổ chức thi hành quyết định cưỡng chế.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức thực hiện quyết định cưỡng chế thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai có hiệu lực pháp luật theo quy định.

4. Thủ trưởng cơ quan chuyên môn cấp huyện có trách nhiệm tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức thực hiện quyết định cưỡng chế theo phân công nhiệm vụ của người có thẩm quyền.

5. Lực lượng Công an nhân dân có trách nhiệm xây dựng kế hoạch bảo đảm trật tự, an toàn trong quá trình thi hành quyết định cưỡng chế khi nhận được yêu cầu cơ quan chủ trì cưỡng chế hoặc theo kế hoạch tổ chức cưỡng chế đã phân công.

6. Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thi hành quyết định cưỡng chế có trách nhiệm phối hợp với Ban thực hiện cưỡng chế động viên, giáo dục người bị cưỡng chế; tổ chức thực hiện việc giao, niêm yết công khai quyết định cưỡng chế; tham gia thực hiện cưỡng chế; di chuyển, bảo quản tài sản trong trường hợp người bị cưỡng chế không tiếp nhận tài sản do Ban thực hiện cưỡng chế bàn giao.

7. Văn phòng Đăng ký đất đai và các chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện trong việc thực hiện trích đo địa chính diện tích đất phải thi hành theo quyết định giải quyết tranh chấp đất đai có hiệu lực pháp luật khi có yêu cầu.

8. Cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm phối hợp với cơ quan chủ trì thực hiện cưỡng chế, Ban thực hiện cưỡng chế khi có yêu cầu, tạo điều kiện để cơ quan thực hiện cưỡng chế, Ban thực hiện cưỡng chế hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Điều 18. Chi phí thực hiện cưỡng chế thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai có hiệu lực pháp luật

1. Chi phí thực hiện quyết định cưỡng chế thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai có hiệu lực pháp luật được tạm ứng từ ngân sách nhà nước và được hoàn trả sau khi thu được tiền của cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế.

2. Tổ chức, cá nhân bị cưỡng chế phải chịu mọi chi phí cho các hoạt động thực hiện cưỡng chế. Nếu cá nhân, tổ chức không tự nguyện hoàn trả hoặc hoàn trả chưa đủ chi phí cưỡng chế thì người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế xem xét điều kiện kinh tế, sinh sống cụ thể ra quyết định cưỡng chế bằng các biện pháp quy định tại Điều 86 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

Điều 19. Lưu trữ hồ sơ thực hiện cưỡng chế thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai có hiệu lực pháp luật

1. Hồ sơ thực hiện quyết định cưỡng chế thi hành quyết định, lưu trữ gồm có:

a) Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai, quyết định công nhận hòa giải thành có hiệu lực pháp luật; quyết định, bản án của Tòa án nhân dân có hiệu lực thi hành;

b) Quyết định cưỡng chế thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai có hiệu lực pháp luật;

c) Quyết định thành lập Ban thực hiện cưỡng chế và kế hoạch cưỡng chế;

d) Biên bản động viên, giáo dục, thuyết phục; biên bản thực hiện quyết định cưỡng chế; biên bản kiểm kê tài sản trên đất của người bị cưỡng chế; biên bản bàn giao bảo quản tài sản và các biên bản làm việc, tài liệu, văn bản có liên quan trong quá trình thực hiện quyết định cưỡng chế;

đ) Thông báo nhận lại tài sản bị cưỡng chế;

e) Hình ảnh, thiết bị lưu trữ, ghi hình, ghi âm,... (nếu có).

2. Tài liệu trong hồ sơ phải đánh số thứ tự, lập bảng kê tài liệu và được lưu theo hồ sơ giải quyết tranh chấp đất đai. Trường hợp vụ việc tranh chấp đất đai do Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu ban hành quyết định giải quyết tranh chấp lần đầu thì Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm sao gửi hồ sơ vụ việc cưỡng chế đến Sở Tài nguyên và Môi trường để tổ chức lưu trữ theo quy định.

Điều 20. Giải quyết khiếu nại và các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai sau khi đã thực hiện quyết định cưỡng chế thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai có hiệu lực pháp luật

1. Đối tượng bị cưỡng chế có quyền khiếu nại hoặc khởi kiện việc thực hiện quyết định cưỡng chế thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai có hiệu lực pháp luật theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Nếu người bị cưỡng chế, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai (lấn, chiếm đất,...) đối với diện tích đất đã thực hiện theo quyết định cưỡng chế thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã kịp thời báo cáo với Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; chỉ đạo cơ quan chuyên môn, công chức phụ trách lĩnh vực đất đai lập biên bản và xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai theo quy định pháp luật hiện hành (có kèm theo sơ đồ vị trí, diện tích, hiện trạng phần đất bị lấn, chiếm...).

Chương III ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 21. Điều khoản chuyển tiếp

Đối với các quyết định giải quyết tranh chấp có hiệu lực pháp luật ban hành trước ngày Quy định này có hiệu lực mà chưa tổ chức thực hiện thì tiếp tục tổ chức thực hiện; trường hợp tổ chức, cá nhân phải chấp hành quyết định không tự nguyện chấp hành thì tổ chức cưỡng chế thi hành theo Quy định này.

Điều 22. Điều khoản thi hành

1. Trong quá trình tổ chức thi hành và cưỡng chế thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai có hiệu lực pháp luật, nếu phát hiện có vi phạm pháp luật, gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, cơ quan, tổ chức hoặc có tình tiết mới làm thay đổi nội dung giải quyết vụ việc thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện báo cáo, kiến nghị với Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, người có thẩm quyền xem xét, giải quyết.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện Quy định này nếu có khó khăn, vướng mắc các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan kịp thời phản ánh về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./. *thv*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Phạm Vũ Hồng

Phụ lục
(Kèm theo Quyết định số 23 /2017/QĐ-UBND
ngày 30 tháng 6 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

Mẫu số 01. Kế hoạch tổ chức triển khai quyết định giải quyết tranh chấp đất đai/quyết định công nhận hòa giải thành.

Mẫu số 02. Biên bản tổ chức triển khai quyết định.

Mẫu số 03. Quyết định cưỡng chế.

Mẫu số 04. Quyết định thành lập Ban thực hiện cưỡng chế.

Mẫu số 05. Kế hoạch cưỡng chế.

Mẫu số 06. Biên bản cưỡng chế.

Mẫu số 01: Kế hoạch tổ chức triển khai thi hành quyết định

.....(1)..... CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
.....(2)..... Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng năm

KẾ HOẠCH

**Tổ chức triển khai quyết định giải quyết tranh chấp đất đai/
quyết định công nhận hòa giải thành**

Căn cứ(3).....

Căn cứ(4).....

Nay cơ quan hoặc công chức (được giao nhiệm vụ tổ chức thi hành quyết định) xây dựng kế hoạch tổ chức thi hành quyết định cụ thể như sau:

1. Mục đích, yêu cầu

- Việc tổ chức thi hành quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực pháp luật phải nhanh chóng, kịp thời, đúng pháp luật.

- Việc tổ chức thi hành quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực pháp luật phải chú trọng công tác tuyên truyền, vận động, giáo dục và thuyết phục để cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan tự nguyện, tự giác thi hành.

2. Nội dung tổ chức thi hành quyết định

- Nội dung phải thi hành:(5)

- Cơ quan, tổ chức, cá nhân phải có nghĩa vụ chấp hành quyết định:

- Cơ quan, tổ chức, cá nhân có quyền và nghĩa vụ liên quan:

3. Phương pháp tiến hành

- Xác định thành phần tham dự tổ chức thi hành quyết định;

- Địa điểm tổ chức thi hành quyết định;

- Phân công nhiệm vụ cho từng thành viên tham gia thi hành quyết định (nếu có);

- Phương pháp, cách thức tuyên truyền, vận động giáo dục các bên tự nguyện thi hành quyết định;

- Trình cấp thẩm quyền ban hành văn bản thông báo (hoặc thư mời) gửi đến các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan biết thời gian, địa điểm, nội dung,... thi hành quyết định;

- Việc tổ chức cưỡng chế thi hành quyết định hành chính;

- Dự kiến thời gian thực hiện từng công việc, thời gian dự phòng để xử lý các công việc phát sinh.

-

4. Tổ chức thực hiện

- Các điều kiện, phương tiện, cơ sở vật chất phục vụ cho việc tổ chức thi hành quyết định.

- Việc báo cáo tiến độ, báo cáo kết quả tổ chức thi hành quyết định; các nội dung khác (nếu có)/.

**Phê duyệt của người giao nhiệm vụ
thi hành quyết định**

(Ký tên, đóng dấu)

**Người có trách nhiệm/công chức
được giao nhiệm vụ thi hành
quyết định**

(Ký, ghi rõ họ tên)

(1) Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp trên trực tiếp.

(2) Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm tổ chức triển khai quyết định.

(3) Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai/hòa giải thành phải tổ chức triển khai.

(4) Quyết định giao nhiệm vụ tổ chức triển khai quyết định (hoặc thực hiện sự phân công của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị).

(5) Trích đầy đủ các nội dung phải thi hành từ quyết định giải quyết tranh chấp/quyết định hòa giải thành.

Mẫu số 02: Biên bản tổ chức triển khai quyết định

.....(1)..... CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
.....(2)..... Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN
Tổ chức triển khai quyết định

Căn cứ Quyết định số...../...../..... của..... về.....(3).....
Hôm nay, hồi... giờ ... ngày ... tháng ... năm ..., tại(4)

I. Thành phần gồm có:

1. Đại diện tổ triển khai quyết định:

- Ông (bà)..... Chức vụ:.....
- Ông (bà)..... Chức vụ:.....
-

2. Đại diện.....(5).....

- Ông (bà)..... Chức vụ:.....
- Ông (bà)..... Chức vụ:.....
-

3. Những người có nghĩa vụ thi hành quyết định, quyền và nghĩa vụ liên quan:

- Ông (bà).....
- Ông (bà).....
-

II. Nội dung:

- Nội dung tổ chức triển khai:.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

- Ý kiến của cơ quan, tổ chức, cá nhân có nghĩa vụ thi hành quyết định:.....

.....
.....
- Việc tự nguyện thi hành quyết định của các bên (nếu có):
.....
.....

Biên bản này đã được đọc cho những người có tên nêu trên cùng nghe, mọi người nhất trí với nội dung biên bản và xác nhận dưới đây./.

**Người có trách nhiệm/công chức được
giao nhiệm vụ thi hành quyết định**
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người ghi biên bản
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Những người có nghĩa vụ thi hành
quyết định**
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Những người tham dự, chứng
kiến**
(Ký, ghi rõ họ tên)

-
- (1) Cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm tổ chức triển khai quyết định.
 - (2) Tổ triển khai quyết định được thành lập (nếu có).
 - (3) Quyết định giải quyết khiếu nại.
 - (4) Địa điểm làm việc.
 - (5) Cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân có liên quan hoặc người chứng kiến.

Mẫu số 03: Quyết định cưỡng chế

TÊN CƠ QUAN RA
QUYẾT ĐỊNH (1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../QĐ-CC

..(2)...., ngày ... tháng ... năm ...

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cưỡng chế thực hiện quyết định giải quyết tranh chấp đất đai
(hoặc quyết định công nhận hòa giải thành)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai năm 2013 và Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số .../2017/QĐ-UBND ngày ...tháng...năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định về việc cưỡng chế thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai, quyết định công nhận hòa giải thành trên địa bàn tỉnh Kiên Giang;

Căn cứ Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai (hoặc Quyết định công nhận hòa giải thành) số...../QĐ-UBND ngày ... tháng ... năm ... của.....;

Xét đề nghị của.....tại Tờ trình số... ngày...tháng...năm.....,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cưỡng chế thực hiện Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai (hoặc Quyết định công nhận hòa giải thành) số .../QĐ-UBND ngày ... tháng ... năm của đối với:

Ông (Bà)/Tổ chức:.....

Ngày.....tháng.....năm sinh.....Quốc tịch:.....

Giấy CMND hoặc hộ chiếu/Quyết định thành lập hoặc ĐKKD số.....

Cấp ngày:.....Nơi cấp:.....

Nghề nghiệp/lĩnh vực hoạt động:.....

Địa chỉ:.....

Lý do cưỡng chế: (3).....

Biện pháp cưỡng chế gồm: (4).....

Thời gian thực hiện: (5)....., kể từ ngày nhận được Quyết định này.

Địa điểm thực hiện: (6)

Cơ quan, tổ chức phối hợp:.....

Điều 2.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ... tháng ... năm

Điều 3. Quyết định này được:

1. Giao/Gửi cho Ông (Bà)/Tổ chức (7).....để chấp hành

Ông (Bà)/Tổ chức(7) phải thực hiện Quyết định này và phải chịu mọi chi phí về việc tổ chức thực hiện cưỡng chế.

Ông (Bà)/Tổ chức(7) có quyền khiếu nại hoặc khởi kiện hành chính đối với Quyết định này theo quy định pháp luật.

2. Ban thực hiện cưỡng chế phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã và các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan giao Quyết định này cho ông (bà)/Tổ chức(7) và niêm yết công khai Quyết định này tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã....., khu phố, ấp Việc niêm yết được thực hiện trong bảy (07) ngày liên tục.

3. Giao (8) để tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thanh tra cấp huyện;
- Công an cấp huyện;
- Sở TNMT....(để b/c);
- Lưu:

CHỦ TỊCH

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

-
- (1) Ghi tên cơ quan của người ra quyết định, theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản hành chính.
 - (2) Ghi địa danh theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản hành chính.
 - (3) Ghi rõ lý do cưỡng chế.
 - (4) Ghi rõ biện pháp cưỡng chế được áp dụng.
 - (5) Ghi rõ thời gian tổ chức thực hiện cưỡng chế.
 - (6) Ghi rõ địa điểm tổ chức cưỡng chế
 - (7) Ghi rõ họ tên của cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế.
 - (8) Ghi chức vụ, cơ quan được giao thi hành quyết định; cơ quan phối hợp cưỡng chế, cơ quan, tổ chức có liên quan có trách nhiệm phối hợp thực hiện.

Mẫu số 04: Quyết định thành lập Ban thực hiện cưỡng chế

**TÊN CƠ QUAN RA
QUYẾT ĐỊNH (1)**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../QĐ-.....

..(2)...., ngày ... tháng ... năm ...

**QUYẾT ĐỊNH
Về việc thành lập Ban thực hiện cưỡng chế**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai năm 2013 và Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ.....(nếu có).....;

Căn cứ Quyết định cưỡng chế số..... ngày....tháng.....năm ... của

Xét đề nghị của.....tại Tờ trình số... ngày... tháng... năm.....,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Ban thực hiện cưỡng chế gồm các Ông (Bà) có tên sau đây:

1., Trưởng ban;
2., Phó Trưởng ban (nếu có);
3., thành viên;
4.

Điều 2. Ban thực hiện cưỡng chế có nhiệm vụ:

- Tiến hành cưỡng chế đối với (4);
- Xây dựng kế hoạch tiến hành cưỡng chế; vận động thuyết phục đối tượng bị cưỡng chế, thông báo việc cưỡng chế và xử lý tài sản sau khi thực hiện quyết định cưỡng chế theo quy định pháp luật.
- Thời hạn cưỡng chế là ngày, kể từ ngày ban hành Quyết định này.

- Trong quá trình thực hiện cưỡng chế, Ban thực hiện cưỡng chế được sử dụng con dấu của cấp ban hành Quyết định cưỡng chế trong thực hiện nhiệm vụ.

- Ban thực hiện cưỡng chế tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 3. Giao cho ...(3)... chỉ đạo, theo dõi, xử lý các vụ việc phát sinh trong quá trình thực hiện cưỡng chế.

Điều 4. Các Ông (Bà) có tên tại Điều 1, ...(3)..., ...(4)... và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;

- Lưu:...

CHỦ TỊCH

(Ký, ghi rõ tên và đóng dấu)

(1) Ghi tên cơ quan của người ra quyết định, theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản hành chính.

(2) Ghi địa danh theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản hành chính.

(3) Thủ trưởng cơ quan, đơn vị tham mưu đề xuất tiến hành cưỡng chế (nếu có).

(4) Ghi rõ họ tên của cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế.

Mẫu số 05: Kế hoạch cưỡng chế

(1) TÊN CƠ QUAN TIỀN
HÀNH CƯỖNG CHẾ
BAN THỰC HIỆN
CƯỖNG CHẾ
(2)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

KẾ HOẠCH
Tiến hành cưỡng chế

Căn cứ Quyết định cưỡng chế số..... ngày.....tháng.....năm ... của

Thực hiện Quyết định số ngày/...../..... của

(3) về việc thành lập Ban thực hiện cưỡng chế (4), Ban thực hiện cưỡng chế lập kế hoạch tiến hành cưỡng chế như sau:

I. Mục đích, yêu cầu:

1. Mục đích:.....

2. Yêu cầu:.....

II. Thời gian, địa điểm thực hiện cưỡng chế:

1. Thời gian:.....

2. Địa điểm:.....

III. Nội dung cưỡng chế:

..... (5)

IV. Phương pháp tiến hành cưỡng chế:

..... (6)

V. Tổ chức thực hiện

- Tiến độ thực hiện:

- Chế độ thông tin, báo cáo:

- Thành phần, lực lượng tiến hành cưỡng chế:

- Phương tiện, công cụ phục vụ, hỗ trợ cưỡng chế:

- Chi phí thực hiện cưỡng chế và dự trù nguồn kinh phí ứng trước bảo đảm cho việc cưỡng chế:

- Phương án bố trí nơi ở tạm thời cho người phải di chuyển chỗ ở khi thực hiện cưỡng chế (nếu có):

- Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan
 - Những vấn đề khác (nếu có):
-

**Phê duyệt của người/cơ quan ra
Quyết định thành lập Ban thực hiện
cưỡng chế**
(Ký, ghi rõ họ tên)

Trưởng ban thực hiện cưỡng chế
(Ký, ghi rõ họ tên)

Nơi nhận:

- (3);...
- Lưu:

-
- (1) Tên cơ quan tiến hành cưỡng chế.
 - (2) Theo quyết định số, ngày, tháng, năm v/v thành lập Ban thực hiện cưỡng chế.
 - (3) Chức danh của người ra quyết định cưỡng chế.
 - (4) Tên cuộc cưỡng chế.
 - (5) Những công việc phải thực hiện (phạm vi, nội dung, đối tượng, thời kỳ, thời hạn cưỡng chế....)

(6) Phương pháp, cách thức tiến hành cưỡng chế, phân công nhiệm vụ từng cơ quan, đơn vị, ...

Mẫu số 06: Biên bản cưỡng chế

(1) TÊN CƠ QUAN TIỀN
HÀNH CƯỖNG CHẾ
BAN THỰC HIỆN
CƯỖNG CHẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(2)

... , ngày ... tháng ... năm ...

BIÊN BẢN

Cưỡng chế thực hiện Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai
(hoặc Quyết định công nhận hòa giải thành)

Thực hiện Quyết định số ngày ... tháng ... năm ... của
..... về việc cưỡng chế thực hiện Quyết định giải quyết tranh chấp
đất đai (Quyết định công nhận hòa giải thành) đối với.....,

Hôm nay, ngày ... tháng ... năm, tại (3).....

I. Thành phần tham gia:

1. Ban thực hiện cưỡng chế:(Họ tên, chức vụ, đơn vị)

.....
.....
.....

2. Đại diện cơ quan phối hợp: (Họ tên, chức vụ, đơn vị) (4)

.....
.....
.....

3. Với sự chứng kiến của: (Họ tên, địa chỉ, nghề nghiệp, chức vụ,
CMND số nếu có) (5)

.....
.....
.....

**4. Tiến hành cưỡng chế thì hành Quyết định giải quyết tranh chấp
đất đai (Quyết định công nhận hòa giải thành) đối với: (6)**

Ông (Bà)/Tổ chức:

Số Chứng minh nhân dân/Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh:....

Ngày ... tháng ... năm sinh Địa chỉ:.....

Biện pháp cưỡng chế gồm: (7).....

Diễn biến quá trình cưỡng chế:

II. Kết quả thực hiện cưỡng chế:

.....
.....
.....

III. Thái độ chấp hành của người/đại diện tổ chức bị cưỡng chế:

.....
.....
.....

Việc thực hiện cưỡng chế kết thúc hồi giờ ngày ... tháng ... năm

Biên bản gồm trang, được lập thành bản có nội dung, giá trị như nhau; đã đọc lại cho những người tham gia nghe, xem lại, công nhận là đúng và cùng ký tên dưới đây; đã giao cho người/đại diện tổ chức bị cưỡng chế 01 bản./.

**CÁ NHÂN HOẶC ĐẠI DIỆN
TỔ CHỨC BỊ CƯỖNG CHẾ**
(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI LẬP BIÊN BẢN
(Ký, ghi rõ họ tên)

**ĐẠI DIỆN CƠ QUAN
PHỐI HỢP CƯỖNG CHẾ**
(Ký, ghi rõ họ tên và chức vụ nếu có)

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC CƯỖNG CHẾ
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đơn vị)

NGƯỜI CHỨNG KIẾN
(Ký, ghi rõ họ tên)

-
- (1) Tên cơ quan tiến hành cưỡng chế.
 - (2) Theo quyết định số, ngày, tháng, năm v/v thành lập Ban thực hiện cưỡng chế.
 - (3) Ghi địa chỉ nơi lập biên bản.
 - (4) Ghi rõ họ tên, cấp bậc, chức vụ, cơ quan của người tham gia cưỡng chế.
 - (5) Nếu người chứng kiến là đại diện chính quyền địa phương thì ghi rõ họ tên, chức vụ của họ.

- (6) Ghi họ tên, ngày tháng năm sinh, địa chỉ.
(7) Ghi rõ biện pháp cưỡng chế đã áp dụng.